

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST

Ngày 11-8-2020

V/v: Tranh chấp Ly hôn và
nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tám
2. Ông Hoàng Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 31/2020/TLST-HNGĐ ngày 15/5/2020 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/7/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị H**, sinh năm 1986

Trú tại: Bản Páo, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Bị đơn: Anh **Đỗ Văn T**, sinh năm 1984

Trú tại: Bản Páo, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2020; Bản tự khai ngày 28/5/2020; Biên bản hòa giải và quá trình xét xử, nguyên đơn Phạm Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đỗ Văn T đã tự do tìm hiểu, yêu đương, không ai ép buộc ai, không bị ai ép buộc, hai người tự nguyện đến với nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương năm 2009, đăng ký kết hôn vào ngày 19/8/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đầm ấm tại bản Páo, xã Trung Sơn, đến đầu năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn tình cảm, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống khác nhau, dẫn đến không tìm được tiếng nói

chung trong cuộc sống và anh Đỗ Văn T có hành vi bạo lực gia đình. Từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì đã được gia đình hai bên nội ngoại và chính quyền địa phương nhiều lần dàn xếp, hòa giải nhưng vẫn không cải thiện được. Chị và anh Đỗ Văn T đã sống ly thân từ đầu năm 2019 và hiện tại chị không có thai nghén. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, cùng nhau nuôi dạy con cái đã không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, để chị yên tâm công tác, lo toan cuộc sống.

Về con chung: Trong thời gian hôn nhân, chị và anh Đỗ Văn T có 02 con chung, tên các cháu là: Đỗ Duy A, sinh ngày 14/11/2009 và cháu Đỗ Phạm Quỳnh A, sinh ngày 01/5/2015, hiện nay cháu Duy A đang ở với bố, cháu Quỳnh A đang ở với chị. Nguyên vọng của chị muốn được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đỗ Phạm Quỳnh A cho đến khi cháu trưởng thành; giao cháu Đỗ Duy A cho anh Đỗ Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu cho đến khi cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu anh Đỗ Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị H tự nguyện chịu án phí.

Tại Bản tự khai ngày 28/5/2020; Biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn Đỗ Văn Tú trình bày:

Về Hôn nhân: Anh và chị H kết hôn vào năm 2009 trên cơ sở tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc lừa dối. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống tại bản Pao, xã Trung Sơn, đến đầu năm 2019 thì chị H bỏ nhà đi không rõ lý do và kiên quyết đòi ly hôn. Anh thừa nhận anh hay có tính ghen tuông không có ăn cứ, cũng có cãi nhau và anh có đánh chị H 02 lần do lúc đó quá nóng giận, nhưng anh chưa bao giờ có ý định bỏ vợ. Bản thân anh thấy vẫn còn thương yêu vợ, anh cũng đã xin lỗi vợ và gia đình vợ, anh mong muốn chị H suy nghĩ lại, vợ chồng quay về đoàn tụ cùng xây dựng gia đình hạnh phúc, nuôi dạy con cái, để các con có cả bố và mẹ, nên anh không muốn ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Đỗ Duy A sinh ngày 14/11/2009 và cháu Đỗ Phạm Quỳnh A, sinh ngày 01/5/2015; Cháu Đỗ Duy A đang ở với anh, cháu Quỳnh A đang ở với mẹ. Quá trình giải quyết vụ án thì anh có trình bày, nếu phải ly hôn thì thống nhất theo nguyện vọng của chị H về con cái, đó là: Cháu Đỗ Duy A sẽ ở với anh, cháu Quỳnh A sẽ ở với mẹ. Nhưng tại phiên tòa thì anh có nguyện vọng muốn được nuôi cả 02 cháu cho đến khi các cháu trưởng thành. Anh không yêu cầu chị Hương cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản ghi nguyện vọng của cháu Đỗ Duy A đề ngày 28/5/2020, thì cháu có nguyện vọng được ở cả với bố và mẹ. Cháu Quỳnh A chưa tròn 07 tuổi nên chưa có bản ghi ý kiến.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, xét thấy: Vợ chồng chị H và anh T chung sống và kết hôn theo đúng quy định, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và từ đó vợ chồng đã sống ly thân; quá trình chung sống thì anh chị cũng đã có cãi nhau, có bạo lực gia đình, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân; hiện tại anh T không muốn ly hôn nhưng anh T không thể có biện pháp hàn gắn, còn chị H một mực yêu cầu xin ly hôn. Thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trong hôn nhân cũng đã có bạo lực gia đình; Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H và anh T có 02 con chung, tên các cháu là Đỗ Duy A, sinh ngày 14/11/2009 và cháu Đỗ Phạm Quỳnh A, sinh ngày 01/5/2015; cháu Duy A đang ở với bố, cháu Quỳnh A đang ở với mẹ, nguyện vọng của cháu Duy A muốn được ở với bố và mẹ. Xét thấy hiện nay anh T làm công nhân với thu nhập từ 05 đến 06 triệu hàng tháng, như vậy thì sẽ không đủ điều kiện nuôi cả 02 cháu, còn chị H là giáo viên có thu nhập thường xuyên, hơn nữa cháu Quỳnh A đang còn nhỏ, lại là con gái, nên anh chị mỗi người nuôi một cháu là hợp lý. Về cấp dưỡng các đương sự không yêu cầu, nên chấp nhận đề nghị này; Tài sản chung, nợ nần chung: Chị H và anh T không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị này.

Từ những phân tích trên:

Căn cứ vào các Điều 56, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điều 28, điều 35, khoản 4 điều 147, điều 271, điều 273, điều 278 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 5 điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UNTVQH14 ngày 30/12/2016.

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị H:

- Về Hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H ly hôn với anh Đỗ Văn T.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Đỗ Phạm Quỳnh A, sinh ngày 01/5/2015 cho chị Phạm Thị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành; Giao cháu Đỗ Duy A, sinh ngày

14/11/2009 cho anh Đỗ Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành; anh chỉ có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm. Chị Phạm Thị H và anh Đỗ Văn T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.
- Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị H nộp 300.000^d án phí HNGĐ sơ thẩm.
- Kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào các điều 28, điều 35, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình thì Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa thuộc thẩm quyền giải quyết. Bởi vì, anh Đỗ Văn T đang có hộ khẩu thường trú tại: Bản Pạo, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung”. Căn cứ điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, thì chị Phạm Thị H là nguyên đơn; anh Đỗ Văn T là bị đơn.

[3] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự luôn chấp hành theo sự triệu tập của tòa án và thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của mình cũng như các quy định khác của pháp luật quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trình bày của nguyên đơn tại đơn khởi kiện, bản khai của các đương sự, biên bản xác định mâu thuẫn, biên bản hòa giải và tại phiên tòa thì: Chị H và anh T kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 19/8/2009 tại UBND xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian dài, đến đầu năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm nên hay xảy ra cãi vã, có hành vi bạo lực gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay, hiện tại mỗi người một nơi, không còn qua lại, không quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này đã được chính quyền xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa xác nhận tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay, chị Phạm Thị H nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đỗ Văn T, nhưng Đỗ Văn T không muốn ly hôn. HĐXX nhận thấy tình cảm vợ

chồng giữ chị H và anh T không thể hàn gắn, có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình và đề nghị của đại diện VKS tại phiên tòa, xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Đỗ Văn T.

[5] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị H và anh Đỗ Văn T có 02 con chung tên các cháu là Đỗ Duy A, sinh ngày 14/11/2009 và cháu Đỗ Phạm Quỳnh A, sinh ngày 01/5/2015, các cháu đang phát triển bình thường về thể chất, trí lực; cháu Duy A đang ở với bố, cháu Quỳnh A đang ở với mẹ, tại bản ghi nguyện vọng của cháu Duy A thì cháu muốn ở với bố và mẹ; Để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày, cũng như sự phát triển của các cháu, nguyện vọng của chị Hương và đề nghị của đại diện VKS. Nên HĐXX quyết định: Giao cháu Đỗ Duy Anh, sinh ngày 14/11/2009 cho anh Đỗ Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành; Giao cháu Đỗ Phạm Quỳnh A, sinh ngày 01/5/2015 cho chị Phạm Thị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành; chị H và anh T đều có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản cản trở.

Chị H và anh T không ai yêu cầu cấp dưỡng, nên chấp nhận đề nghị này. Anh T và chị H đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ của pháp luật và đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung khi thấy cần thiết.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Phạm Thị H và anh Đỗ Văn T không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 28, điều 35, điều 39, điều 68, khoản 4 điều 147, khoản 3 Điều 208, điều 273, điều 278 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 147, điều 148, điều 278, điều 282 và điều 372 Bộ luật Dân sự;

Điều 8, điều 9, khoản 1 điều 51, điều 56, điều 57, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83, điều 84 và điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Khoản 1 điều 24, khoản 5 điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H.

1.1. Về Hôn nhân: Cho Phạm Thị H ly hôn với anh Đỗ Văn T.

1.2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Đỗ Duy A, sinh ngày 14/11/2009 cho anh Đỗ Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi); Giao cháu Đỗ Phạm

Quỳnh A, sinh ngày 01/5/2015 cho chị Phạm Thị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi); Ghi nhận sự tự nguyện của chị H và anh T là không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T và chị H đều có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở. Vì quyền lợi mọi mặt của người con khi cần thiết, anh T và chị H đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung khi có căn cứ của pháp luật.

1.3. Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không xét.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí HNGĐ sơ thẩm, số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015/0004308 ngày 15/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Án xử công khai, có mặt Nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn và bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV - TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Quan Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Quan Hóa;
- UBND xã Trung Sơn, H. Quan Hóa;
- Nguyên đơn Phạm Thị H;
- Bị đơn Đỗ Văn T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tiến Dũng

